

ĐẠI TỪ NHÂN XUNG ĐÍCH THỰC TRONG TIẾNG THANH HÓA

DE FACTO PERSONAL PRONOUNS IN THE DIALECT OF THANH HOA

CAO XUÂN HẢI

(TS; Trường Đại học Hồng Đức)

Abstract: This article reseaches personal pronouns in the dialect of Thanh Hoa from pragmatics and semantics aspects. This indicates that: The number of personal pronouns is far more in comparison with ordinary Vietnamese. This is the result of uneven tranformation in phonetic of Vietnamese in Thanh Hoa. The difference in phonetic makes the distinction about the tone and shade of semantics in communication of Thanh Hoa people.

Key words: personal pronouns; the dialect of Thanh Hoa; pragmatics and semantics aspects.

1. Mở đầu

Ngôn ngữ là linh hồn của một dân tộc, một cộng đồng. Mỗi dân tộc, mỗi cộng đồng đều "có một đặc trưng riêng trong đời sống văn hóa, trong cách nghĩ, cách nhận thức thế giới. Đặc trưng ấy ghi dấu ấn trong hoạt động xã hội, truyền thống văn hóa và thói quen sử dụng ngôn ngữ của cộng đồng" [7, tr.1].

Tiếng Thanh Hóa (TTH) là một phương ngữ tiếng Việt lưu hành trong phạm vi xứ Thanh. Thói quen sử dụng tiếng địa phương của người xứ Thanh đã được ổn định qua nhiều thế hệ với những biến thể độc đáo. Theo nhiều nhà nghiên cứu, TTH hiện còn bảo lưu nhiều yếu tố cổ của tiếng Việt, mang tính địa phương riêng biệt như: *chạn (gác), lầy (hái), chạc (ré), bóc (bắc), hột (hạt), chiềng (mời), nhởi (chơi), nhọc (ốm), mản (làm), tróc (đầu), tra (già), ...* Đây là "do quá trình biến đổi ngữ âm xảy ra không đồng đều giữa các vùng phương ngữ" [11, tr. 27]. Vì thế, trong TTH có hiện tượng tồn tại song song các đơn vị ngôn ngữ chung của tiếng Việt và các biến thể riêng của địa phương xứ Thanh.

Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi sẽ tìm hiểu các đại từ nhân xưng đích thực trong TTH dưới góc nhìn ngữ nghĩa, ngữ

dụng nhằm mục đích miêu tả, phân tích các quan hệ ngữ nghĩa của chúng trong giao tiếp. Từ đó giúp người đọc hiểu thêm về bản sắc văn hóa trong giao tiếp của người xứ Thanh.

2. Đặc điểm của đại từ nhân xưng đích thực trong tiếng Thanh Hóa

2.1. Khái quát về đại từ

Đại từ là một từ loại mang tính phổ niệm cho hệ thống ngữ pháp của các ngôn ngữ. Đại từ là "từ loại mà ý nghĩa phạm trù của chúng là không định danh sự vật mà chỉ định chúng trong một cảnh huống nhất định, một hoàn cảnh nói năng nhất định" [13, tr. 85].

a. Về ý nghĩa: Đại từ không trực tiếp phản ánh hiện thực như danh từ, động từ, tính từ, số từ. Quan hệ giữa hiện thực với ý nghĩa của đại từ phản ánh là một mối quan hệ gián tiếp. Ý nghĩa của đại từ là ý nghĩa có tính chất chức năng: chỉ trỏ và thay thế. Ví dụ:

(1) *Thắng là sinh viên. Nó thông minh và học giỏi* (đại từ nó có ý nghĩa thay thế cho *Thắng*)

Cái bàn này đẹp, cái bàn kia cũng đẹp (các đại từ này, kia có ý nghĩa chỉ trỏ).

Đại từ có thể thay thế cho một từ nhưng nó cũng có thể thay thế cho cả một tổ hợp từ. Ví dụ:

(2) - *Hôm nay trường em được nghỉ học.*

- *Trường anh cũng thế* (đại từ *thế* thay thế cho cả tổ hợp từ: *được nghỉ học*).

b. *Về khả năng kết hợp*: Về lí thuyết khi thay đại từ thế cho thực từ nào đó thì nó có khả năng làm thành tổ chính trong cụm từ chính phụ giống như thực từ đó. Tuy nhiên, trên thực tế khả năng giữ vai trò trung tâm của đại từ trong các cụm từ là hạn chế so với thực từ. Trong một số trường hợp đặc biệt, đại từ nhất định mới có khả năng làm thành tổ chính cho cụm từ chính phụ. Ví dụ :

(3) *Tất cả chúng ta; Tất cả chúng tôi...*

c. *Về chức vụ cú pháp*: Chức năng của đại từ là thay thế nên ở trong câu, đại từ có thể đảm nhiệm những chức năng ngữ pháp của từ hay tổ hợp từ mà nó thay thế. Vì thế, chức năng của đại từ trong câu cũng rất linh hoạt. Đại từ có thể làm chủ ngữ, vị ngữ trong câu

nhưng cũng có thể làm định ngữ, bổ ngữ, trạng ngữ trong câu. Chẳng hạn, trong (1) và (2) thì nó trong (1) là chủ ngữ còn thế trong (2) là vị ngữ.

Nhìn chung, đại từ nhân xưng có thể chia ra làm 2 nhóm: đại từ nhân xưng đích thực (ví dụ: tôi, anh, nó...) và các danh từ thân tộc chuyển hóa thành từ xưng hô (ví dụ: ông, bà, cha, mẹ...).

2.2. Đại từ nhân xưng đích thực trong tiếng địa phương Thanh Hoá

2.2.1. Về số lượng và cấu tạo

Khảo sát hệ thống đại từ nhân xưng đích thực trong TTH trong sự đối sánh với tiếng Việt phổ thông (TVPT), chúng tôi thu được kết quả như sau:

Ngôi	Đại từ nhân xưng số ít		Đại từ nhân xưng số nhiều	
	Tiếng Việt phổ thông (TVPT)	Tiếng Thanh Hóa	Tiếng Việt phổ thông (TVPT)	Tiếng thanh Hóa
I	Tao Tôi Tớ Mình Ta	Tao, tau, tau Tôi, tau, tui Tớ Mình, mềnh Ta, choa	Chúng tao Chúng tôi Chúng tớ Chúng mình Chúng ta	Chúng tao Chúng tôi, bầy tui Chúng tớ Chúng mình, chúng mềnh Chúng ta
II	Mày Bay	Mày, mi, dêu, dá Bay, bầy	Chúng mày Chúng bay	Chúng mày Chúng bay
III	Nó Hắn	Nó Hắn, hần Va (vá)	Chúng nó Chúng hắn	Chúng nó, bọn hần (hần) Chúng hắn Nhà va (nhà vá)

Nhìn vào bảng trên, chúng ta nhận thấy:

- *Về số lượng* : Đại từ nhân xưng đích thực trong TTH có số lượng lớn hơn nhiều so với TV PT. Chúng bao gồm các đại từ được sử dụng trong TVPT (*tao, tôi, tớ, mình, ta...*), các đại từ được sử dụng trong phương ngữ Trung (*tau, tui, choa, mi, bay, bầy...*) và các đại từ chỉ có trong TTH (*va, nhà va*).

- *Về cấu tạo* : Các đại từ nhân xưng đích thực trong TTH có sự tương ứng 1-1 về mặt

cấu tạo so với tiếng Việt. Chúng được hình thành theo nhiều cách thức khác nhau: biến đổi ngữ âm (*tao - tau, tôi - tui, mình - mềnh, hắn - hần, mày - mi...*); các yếu tố "cổ", riêng biệt của TTH (*va, nhà va*); kết hợp một yếu tố trong tiếng Việt và một yếu tố địa phương (*chúng mềnh*); dùng các đại từ nhân xưng trong TVPT (*tao, tôi, tớ, mình, chúng tao, chúng tôi...*). Những phương thức cấu tạo

này tạo cho TTH mang sắc thái địa phương rõ rệt trong giao tiếp. Ví dụ:

(4) - Ông đi mô đá (ông đi đâu đấy)?

- **Tâu** đi xin tí vâu (tao đi xin tí với).

- Về ngữ nghĩa: Các đại từ nhân xưng đích thực trong TTH không có sự biến đổi về mặt nghĩa. Sự khác biệt lớn nhất của đại từ nhân xưng đích thực trong TTH so với TVPT là về mặt ngữ âm (khác âm, cùng nghĩa: *tao* - *tau*, *tôi* - *tui*, *bay* - *bây*, *nó* (*hắn*) - *va*, *chúng nó* (*chúng hắn*) - *nhà va*). Sự khác biệt về ngữ âm tạo ra cho TTH một đặc trưng riêng về giọng điệu và sắc thái ngữ nghĩa trong giao tiếp. Ví dụ:

(5) Trời vừa tảng sáng, bố sai con sang hàng xóm mượn cái cào để đi làm cỏ lúa:

- Mi sang nhà ông Nhuận mượn (mượn) cân (cây) cào đi.

- Nhà va đã dạy mua (nhà ông ấy đã ngủ dậy đâu).

2.2.2. Về ngữ nghĩa

Khi đi vào hành chức các đại từ nhân xưng đích thực trong TTH được chia thành hai nhóm:

Nhóm 1: Nhóm vừa có khả năng tham gia vào các lĩnh vực giao tiếp nghi thức (lĩnh vực giao tiếp hành chính công vụ) và không nghi thức (giao tiếp thường ngày), bao gồm các đại từ không có sự biến đổi về ngữ âm so với tiếng Việt: *tôi*, *chúng tôi*, *chúng mình*, *ta*, *chúng ta*, *nó*, *chúng nó*. Nhóm này, được sử dụng với sắc thái trang trọng, tôn nghiêm, khách quan, mẫu mực, đảm bảo tính thống nhất, tính chuẩn mực của tiếng Việt.

Nhóm 2: Nhóm chỉ tham gia vào lĩnh vực giao tiếp không nghi thức, bao gồm: *tao*, *tau*, *tui*, *tớ*, *mình*, *choa*, *nó*, *hắn*, *va*, *nhà va*, *chúng tao*, *chúng tớ*, ... Nhóm này được dùng trong giao tiếp của đời sống hàng ngày với nhiều sắc thái ngữ nghĩa khác nhau: trung hòa, dân dã, suồng sã, thân mật... Ví dụ:

(6) Vợ: Con Hoa hôm nay nó bị sốt đoó. Nhớ cho nó uống thuốc hây.

Chồng: - **Tau** nhớ rồi. Mi cứ yên tâm.

(7) Con: Đang ốm, cha vào đây thăm chi?

Cha: - Mắn chi thì kệ **tâu**.

Các nhân vật trong (3) và (4) đã sử dụng các biến thể địa phương *mi*, *tau* ở (6) và *tâu* ở (7) làm cho các đối thoại vừa mang tính cụ thể, vừa mang tính hình ảnh, vừa thể hiện sự suồng sã thân mật và có tính cảm xúc.

Nhóm này lại có thể chia thành 2 nhóm nhỏ:

- Nhóm các đại từ nhân xưng trùng với tiếng Việt phổ thông (có 17 từ): *tao*, *tớ*, *mình*, *ta*, *mày*, *bay*, *nó*, *hắn*, *chúng tao*, *chúng tớ*, *chúng mình*, *chúng ta*, *chúng mày*, *chúng bay*, *chúng nó*, *chúng hắn*. Nhìn chung, các đại từ này được người Thanh Hóa sử dụng với ý nghĩa không có sự khác biệt lớn so với ý nghĩa của nó trong tiếng Việt. Hoặc chúng được sử dụng nguyên nghĩa từ điển, hoặc chúng được bổ sung các sắc thái nghĩa như: thân mật, suồng sã, ... Chẳng hạn:

Tao trong TVPT có ý nghĩa: “từ dùng để tự xưng khi nói với người ngang hàng hay người dưới tỏ ý coi thường, coi khinh. *Lại đây tao bảo! Tao nói thì phải nghe!*” [12, tr. 859]. Trong TTH ngoài nét nghĩa trên còn được sử dụng với nét nghĩa thân mật suồng sã. Ví dụ: *Tao với mi mần mấy chén rồi viên*.

Tớ trong TVPT có ý nghĩa: “từ dùng để tự xưng một cách thân mật giữa bạn bè còn ít tuổi. *Tớ mang giúp cậu*” [12, tr. 982]. Trong TTH ngoài nét nghĩa tự xưng thân mật giữa các bạn bè cùng lứa thì *tớ* còn được những người lớn tuổi tự xưng mình khi giao tiếp với người ít tuổi đã quen biết từ trước với nét nghĩa thân mật suồng sã. Ví dụ: *Cậu giúp tớ soạn văn bản này với nha*.

Nó trong TVPT có ý nghĩa: “từ dùng để chỉ người ở ngôi thứ ba hàm ý không coi trọng hoặc thân mật”. Trong TĐPTH ngoài ý nghĩa trên,

- Nhóm mang sắc thái tiếng địa phương Thanh Hóa: nhóm này bao gồm những từ

ngữ có trong phương ngữ Trung (*tau, tau, tui, mềnh, choa, mi, bầy, hần, chúng mềnh, bầy tui, bòn, hần*) và những từ ngữ chỉ có trong TTH (*va /vá, nhà va/ nhà vá*). Nhóm đại từ này vừa làm cho TTH mang sắc thái riêng về mặt ngữ âm vừa mang sắc thái riêng về mặt ý nghĩa. Chẳng hạn:

Tau, tau, tui là từ dùng để tự xưng một cách thân mật hoặc suồng sã giữa bạn bè ngang hàng còn ít tuổi hoặc giữa người lớn tuổi với người ít tuổi với sắc thái thân mật.

Mềnh là từ dùng để tự xưng một cách thân mật với người ngang hàng hoặc người ít tuổi.

Choa là từ dùng để chỉ ngôi thứ nhất số nhiều hoặc chỉ cá nhân nhưng đại diện cho một nhóm người.

2.3 Khảo sát trường hợp: *va* và *nhà va*

Thứ nhất, Đây là những đại từ không có trong TVPT, là "sản phẩm riêng" của TTH. *Va* và *nhà va* xuất hiện thường xuyên trong giao tiếp của người xứ Thanh. Chúng tạo vừa nên sự đa dạng, phong phú của tiếng Việt vừa tạo nên những sắc thái ngữ nghĩa mang tính bản địa của người xứ Thanh.

Thứ hai, *va* và *nhà va* trước hết mang ý nghĩa chung của hệ thống đại từ đó là ý nghĩa ngữ pháp chứ không phải là ý nghĩa từ vựng. Quan hệ giữa hiện thực được đề cập với ý nghĩa của chúng là một mối quan hệ gián tiếp. Ý nghĩa của đại từ *va, nhà va* là ý nghĩa có tính chất chức năng thay thế.

Thứ ba, trong giao tiếp, *va* và *nhà va* là những đại từ được dùng để thay thế cho người ở ngôi thứ ba (số ít, hoặc số nhiều) hoặc chỉ người vừa mới được đối ngôn nêu ngay trước đó trong cuộc giao tiếp, có tính chất nói tránh, nhấn mạnh hoặc thêm vào cho lời nói có sắc thái tự nhiên, suồng sã. Ví dụ:

(8) - Ông Sáng mới mua con Inova mới tinh.

- *Va* thì thiếu chi tiền.

Ở thí dụ trên đại từ *va* được dùng để chỉ ông Sáng, ngôi thứ 3 được đề cập đến trong cuộc giao tiếp. Việc ông Sáng nhiều tiền hay ít tiền là vấn đề thuộc quyền riêng tư của ông Sáng. Bàn luận, đánh giá về ông Sáng có nguy cơ xúc phạm đến lãnh địa riêng tư, thể diện của ông. Chính vì vậy trong trường hợp này, *va* được dùng để nói tránh, thay thế cho việc nhắc lại ông Sáng nhiều lần. Câu chuyện vì thế mà có thể tiếp tục xa hơn mà không sợ những phản ứng tiêu cực từ những đối tượng khác.

Thứ tư, dưới góc nhìn của ngữ pháp học truyền thống, *va, nhà va* là những từ được dùng để đại diện cho một từ, cụm từ rõ nghĩa (chỉ người) đã được dùng ở chỗ khác của ngữ cảnh hoặc là từ đóng vai của một tên gọi vắng mặt, mang một sắc thái không xác định. Dưới góc nhìn của pháp chức năng, đại từ *va, nhà va* là những từ có chức năng chỉ trỏ và thay thế. Chúng vừa có thể đảm nhận chức năng Đề ngữ vừa có thể đảm nhận chức năng Thuyết ngữ trong phát ngôn. Ví dụ:

(9) - Ông Út làm cấy chi mà suốt ngày đục đẽo nhà cửa âm ỉ rứa nhĩ (Ông Út làm gì mà suốt ngày đục đẽo nhà cửa thế nhĩ)?

- *Nhà va* suốt ngày sửa hết cấy ni sang cấy khác đó mà (Ông ấy suốt ngày sửa hết cái này đến cái khác đấy mà).

(10) - Thằng Thành đang mần dở mà chạy đi mô rồi?

- Làm ăn vớ *va* vớ vẩn.

- Sơn mi chịu khoó làm huộ anh với, choo nóó hết xô hồ đòi nghỉ lun.

- Thôi, iêm chịu, việc đó là việc của *va*.

Trong (9) *va* được sử dụng để chỉ gia đình ông Út, vừa để thay thế cho cụm từ ông Út trong phát ngôn: "Ông Út làm cấy chi mà suốt ngày đục đẽo nhà cửa âm ỉ rứa nhĩ", đồng thời làm đề ngữ trong phát ngôn chứa nó; trong (10) *va* được sử dụng để chỉ người có tên là Thành, vừa để thay thế cho từ Thành trong phát ngôn: " Thôi, iêm chịu,

việc đó là việc của *va*", đồng thời làm thuyết ngữ của phát ngôn.

Về lí thuyết, khả năng tham gia vào vị trí đề ngữ hay thuyết ngữ của *va*, *nhà va* là ngang nhau. Trên thực tế, trong TTH, người

Tổng số	<i>va</i> , <i>nhà va</i> ở vị trí đề ngữ		<i>va</i> , <i>nhà va</i> ở vị trí thuyết ngữ	
	Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
315	286	90,79	29	9,21

Qua bảng trên có thể khẳng định người Thanh Hóa sử dụng đại từ *va*, *nhà va* vào vị trí đề ngữ thường xuyên hơn vào vị trí thuyết ngữ và việc dùng đại từ *va*, *nhà va* vào vị trí đề ngữ hay thuyết ngữ là hoàn toàn do thói quen. Nó phản ánh đặc trưng ngôn ngữ trong giao tiếp của đời sống văn hóa, xã hội người dân Thanh Hóa.

Thứ năm, khi đi vào hành chức, *va*, *nhà va* chỉ xuất hiện trong giao tiếp không nghi thức. Điều này có nghĩa là *va*, *nhà va* không tạo ra sắc thái ngữ nghĩa trang trọng mà chúng chỉ tạo ra sắc thái ngữ nghĩa dân dã, thân mật, suồng sã. Mặt khác, *va*, *nhà va* trong giao tiếp không bị chế định bởi mối quan hệ về vị thế trong hội thoại (tuổi tác, chức vụ, giàu nghèo...), bởi đại từ *va*, *nhà va* trong giao tiếp đã bị phiếm định hóa. Hay nói cách khác, *va*, *nhà va* có tính chất phiếm định. Trong tiếng Việt, đại từ *nó*, *nhà nó* có nghĩa tương đương với từ *va*, *nhà*. *va* trong TTH (đều dùng để chỉ người ở ngôi thứ ba; chỉ người vừa mới được đối ngôn nêu ngay trước đó trong cuộc giao tiếp...). Tuy nhiên, đại từ *nó*, *nhà nó* bị chế định bởi mối quan hệ vị thế trong hội thoại (chỉ dùng để chỉ đối tượng có tuổi tác tương đương hoặc ít hơn người nói, nếu người nói ít tuổi mà dùng nó để chỉ người nhiều tuổi thì bị coi là bất thường - lệch chuẩn) còn trong TTH đại từ *va*, *nhà va* không bị chế định bởi mối quan hệ vị thế trong hội thoại. Từ *va*, *nhà va* được sử dụng tự do hơn, người nhiều tuổi hay ít tuổi, người có địa vị cao hay người có địa vị thấp, người giàu hay người nghèo... đều có

xử Thanh ưa dùng *va*, *nhà va* vào vị trí đề ngữ hơn là vị trí thuyết ngữ. Qua tư liệu khảo sát, chúng tôi thu được kết quả như sau:

thể sử dụng để chỉ bất kỳ ai mà không sợ bị xem là bất thường. Ví dụ:

(11) [Thấy ông Nhạc đi đến]

Lâm: - Ông Nhạc bữa ni bánh bao chưa! Gắn tám mươi mà nhìn còn ngoon lay (ông Nhạc hôm nay bánh bao chưa! Gắn tám mươi rồi mà trông còn rất trẻ).

Thắng: - Va đi đâu đóo nhỉ (ông ấy đi đâu đó nhỉ)?

Lâm: - Ai mà biết được, mi hoỏi mần chi (không biết, mày hỏi làm gì).

Trong thí dụ trên, ông Nhạc là một người đã cao tuổi, là người rất ít khi ra khỏi nhà. Sự kiện đi ra khỏi nhà của một người cao tuổi, luôn quần quanh trong nhà là một sự kiện "lạ" khiến Thắng quan tâm và đặt câu hỏi: *Va đi đâu đóo nhỉ?* Trong trường hợp này *va* được Thắng sử dụng để thay thế cho ông ấy (ông Nhạc).

Như vậy, trong giao tiếp của người xứ Thanh, *va*, *nhà va* có thể dùng làm thời đề chỉ người ở ngôi thứ ba là: ông ấy, bà ấy, bác ấy, chú ấy, anh ấy, chị ấy, cô ấy, dì ấy, em ấy, thằng ấy, cậu ấy, họ, nó v.v ...

Va, *nhà va* có thể xuất hiện ở lời trao, có thể xuất hiện ở lời đáp trong cấu trúc cặp kế cận của hội thoại. Tuy nhiên, trong thực tiễn giao tiếp của người xứ Thanh, từ *va*, *nhà va* xuất hiện thường xuyên và phổ biến ở lượt lời trao đáp (chỉ người vừa mới được đối ngôn nêu ngay trước đó trong cuộc giao tiếp và có tính chất nói tránh với mục đích phiếm định hóa người thứ ba). Bởi lẽ, các hiện thực được đề cập liên quan đến *va*, *nhà va* thuộc quyền sở hữu của người khác. Người nói khi sử dụng *va*, *nhà va* và những hiện thực liên

quan đến chúng đều có nguy cơ xúc phạm đến thể diện, lãnh địa riêng tư của người khác. Vì thế, để tránh nguy cơ xúc phạm lãnh địa riêng tư của người khác, người xứ Thanh sử dụng thường xuyên và phổ biến là đại từ *va*, *nhà va*, làm cho tần suất xuất hiện trong giao tiếp của hai đại từ này khá dày đặc. Điều này cũng lí giải vì sao một địa bàn nằm trên con đường "thiên lí" Bắc - Nam, điều kiện giao lưu, tiếp xúc văn hóa, ngôn ngữ với các cộng đồng khác khá thuận lợi nhưng những biến thể của TTH vẫn được người dân xứ Thanh sử dụng thường xuyên và phổ biến, tạo nên nét đặc trưng riêng cho TTH, vì thế có một số ý kiến cho rằng có khái niệm "tiếng địa phương/phương ngữ Thanh Hóa".

3. Kết luận

Đại từ nhân xưng đích thực trong TTH có số lượng lớn hơn nhiều so với đại từ nhân xưng đích thực trong TVPT. Đây là kết quả của hiện tượng biến đổi ngữ âm không đồng đều của các đại từ nhân xưng đích thực trong tiếng Việt khi đi vào các tiểu vùng địa phương Thanh Hóa. Chúng bao gồm các biến thể giống phương ngữ Bắc (*tao*, *tôi*, *tớ*, *mình*, *ta...*), các biến thể giống phương ngữ Trung (*tau*, *tui*, *choa*, *mi*, *bay*, *bây...*) và các biến thể chỉ có trong TTH (*va*, *nhà va*).

Sự khác biệt lớn nhất của đại từ nhân xưng đích thực trong TTH so với TVPT là về mặt ngữ âm. Sự khác biệt này tạo ra cho TTH một đặc trưng riêng về giọng điệu và sắc thái ngữ nghĩa trong giao tiếp. Cụ thể, hệ thống đại từ xưng hô đích thực trong TTH làm cho giọng điệu của người Thanh Hóa vừa mang âm hưởng của giọng điệu phương ngữ Trung lại vừa mang âm hưởng của giọng điệu phương ngữ Bắc. Trong xu hướng hòa nhập vào dòng chảy chung của TVPT, những biến âm của đại từ nhân xưng trong TTH nói chung, đại từ *va* và *nhà va* nói riêng vẫn có sức sống bền bỉ, phát huy

tích cực vai trò của nó trong cuộc sống người dân xứ Thanh. Có thể nói, cùng với những biến thể ngữ âm khác, hệ thống đại từ nhân xưng đích thực trong TTH đã tạo ra bản sắc riêng trong ngôn ngữ của người xứ Thanh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Thị Lan Anh (2011), *Nghiên cứu tiếng địa phương Thanh Hóa*, Đề tài khoa học công nghệ cấp tỉnh, Trường Đại học Hồng Đức.
2. Diệp Quang Ban (1992), *Ngữ pháp tiếng Việt*, Tập 1+2, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
3. Lê Biên (1998), *Từ loại tiếng Việt hiện đại*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
4. Đỗ Hữu Châu (2001), *Đại cương ngôn ngữ học*, tập 2, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
5. Đỗ Hữu Châu (2003), *Cơ sở ngữ dụng học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
6. Hoàng Thị Châu (2004), *Phương ngữ học tiếng Việt*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội.
7. Trương Thị Diễm (2002), *Từ xưng hô có nguồn gốc thân tộc trong tiếng Việt*, Luận án Tiến sĩ Ngữ văn, Trường Đại học Vinh.
8. Halliday. M.A.K (2004), *Dẫn luận ngữ pháp chức năng* (bản dịch của Hoàng Văn Vân), Nxb Đại học Quốc gia, Hà Nội.
9. Đỗ Thị Kim Liên (1999), *Ngữ nghĩa lời hội thoại*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
10. Nguyễn Thị Sơn (2004), *Khảo sát vốn từ địa phương Thanh Hóa*, Luận văn Thạc sĩ, Trường Đại học Vinh.
11. Nhiều tác giả (2002), *Những vấn đề phương ngữ học tiếng Việt*, Viện Ngôn ngữ học.
12. Hoàng Phê (chủ biên) (1996), *Từ điển tiếng Việt*, Nxb Đà Nẵng.
13. Nguyễn Như Ý (chủ biên) (2002), *Từ điển giải thích thuật ngữ ngôn ngữ học*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.

(Ban Biên tập nhận bài ngày 17-07-2014)